SỞ Y TẾ SÓC TRĂNG
TTYT THỊ XÃ VĨNH CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Phụ lục 2

DANH MỤC THUỐC ĐẤU THẦU NĂM 2021
GÓI THẦU SỐ 2: THUỐC CỔ TRUYỀN, THUỐC TỪ DƯỢC LIỆU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 163/QĐ-TTYT, ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Trung Tâm Y Tế thị xã Vĩnh Châu)

TT	Mã số	Tên hoạt chất	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm theo TT 15	Số lượng				Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu (1% theo từng mặt hàng)	Ghi chú
							Bệnh viện/ TTYT	NTBV/ QTBV	Trạm y tế	Tổng cộng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
		Nhóm 1													
1	VC21.2.1.001	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).	Uống	Viên	Viên	ĐY1	1.000			1.000	650	650.000	30-06-2022	6.500	
2	VC21.2.1.002	Cao khô Trinh nữ hoàng cung.	Uống	Viên	Viên	ĐY1	1.000			1.000	2.900	2.900.000	30-06-2022	29.000	
		Cộng: 02 Mặt hàng													
		Nhóm 2													
1	VC21.2.2.001	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).	Uống	Viên	Viên	ĐY2	8.400		3.550	11.950	280	3.346.000	30-06-2022	33.460	
2	VC21.2.2.002	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai.	Uống	Viên	Viên	ĐY2	2.520		9.000	11.520	520	5.990.400	30-06-2022	59.904	
3	VC21.2.2.003	Actiso.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	10.000			10.000	845	8.450.000	30-06-2022	84.500	
4	VC21.2.2.004	Bạch tật lê, Bạch thược, Câu kỷ tử, Cúc hoa, Đan bì/Mẫu đơn bì, Đương quy, Hoài sơn, Phục linh/Bạch linh, Thục địa, Sơn thù,/Sơn thù du, Thạch quyết minh, (Trạch tả).	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	7.890		9.100	16.990	1.200	20.388.000	30-06-2022	203.880	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	VC21.2.2.005	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	20.000			20.000	1.740	34.800.000	30-06-2022	348.000	
6	VC21.2.2.006	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu.	Uống	Viên hoàn cứng	Gói	ĐY2	3.940			3.940	3.750	14.775.000	30-06-2022	147.750	
7	VC21.2.2.007	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhủ dịch uống	Chai	ĐY2	2.000			2.000	48.900	97.800.000	30-06-2022	978.000	
8	VC21.2.2.008	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2			8.400	8.400	1.000	8.400.000	30-06-2022	84.000	
9	VC21.2.2.009	Bán hạ nam, Bạch linh, Xa tiền tử, Ngũ gia bì chân chim, Sinh khương, Trần bì, Rụt/Nam Mộc hương, Sơn tra, Hậu phác nam.	Uống	Viên hoàn cứng	Viên	ĐY2	25.850			25.850	2.700	69.795.000	30-06-2022	697.950	
10	VC21.2.2.010	Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thược, Đan sâm, Bản lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chỉ thực, Mạch nha, Nghệ.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	12.680		1.680	14.360	2.250	32.310.000	30-06-2022	323.100	
11	VC21.2.2.011	Cao khô Trinh nữ hoàng cung.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	6.030			6.030	4.900	29.547.000	30-06-2022	295.470	
12	VC21.2.2.012	Cao xương hỗn hợp/Cao quy bản, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa.	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	ĐY2			27.100	27.100	3.500	94.850.000	30-06-2022	948.500	
13	VC21.2.2.013	Cát cánh, Kinh giới, Tử uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn.	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhủ dịch uống	Chai	ĐY2	840		3.050	3.890	26.500	103.085.000	30-06-2022	1.030.850	
14	VC21.2.2.014	Câu đằng, Hạ khô thảo, Bạch mao căn/Rễ cỏ tranh, Linh chi, Ích mẫu.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	50.000			50.000	1.500	75.000.000	30-06-2022	750.000	
15	VC21.2.2.015	Câu đằng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch huyết minh, Ngưu tất, Ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, (Hòe hoa)	Uống	Viên nang	viên	ĐY2	8.400			8.400	2.700	22.680.000	30-06-2022	226.800	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
16	VC21.2.2.016	Chỉ thực, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch truật, Bạch linh/Phục linh, Bán hạ, Mạch nha, Hậu phác, Cam thảo, Can khương, Hoàng liên/Ngô thù du.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	30.000			30.000	1.029	30.870.000	30-06-2022	308.700	
17	VC21.2.2.017	Dầu gió các loại.	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ	ĐY2			590	590	10.800	6.372.000	30-06-2022	63.720	
18	VC21.2.2.018	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	5.960		3.350	9.310	1.680	15.640.800	30-06-2022	156.408	
19	VC21.2.2.019	Diệp hạ châu.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	3.940		8.200	12.140	452	5.487.280	30-06-2022	54.873	
20	VC21.2.2.020	Đăng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2			8.400	8.400	2.100	17.640.000	30-06-2022	176.400	
21	VC21.2.2.021	Địa liền, Thương truật, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Long não.	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ	ĐY2	5.000		150	5.150	41.000	211.150.000	30-06-2022	2.111.500	
22	VC21.2.2.022	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	20.000			20.000	5.500	110.000.000	30-06-2022	1.100.000	
23	VC21.2.2.023	Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương).	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	ĐY2	43.400		58.200	101.600	3.500	355.600.000	30-06-2022	3.556.000	
24	VC21.2.2.024	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim/Ngũ gia bì, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy, Quế/Quế chi, Cam thảo.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	80.000			80.000	3.035	242.800.000	30-06-2022	2.428.000	
25	VC21.2.2.025	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thục địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung.	Uống	Viên	Viên	ĐY2	31.180		10.000	41.180	830	34.179.400	30-06-2022	341.794	
26	VC21.2.2.026	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân/Dây đau xương, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm).	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	1.680		6.700	8.380	920	7.709.600	30-06-2022	77.096	
27	VC21.2.2.027	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	30.000			30.000	1.350	40.500.000	30-06-2022	405.000	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
28	VC21.2.2.028	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	Uống	viên hoàn cứng	Gói	ĐY2	16.800		10.400	27.200	2.750	74.800.000	30-06-2022	748.000	
29	VC21.2.2.029	Gừng.	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	ĐY2			2.600	2.600	1.150	2.990.000	30-06-2022	29.900	
30	VC21.2.2.030	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	100.000			100.000	2.650	265.000.000	30-06-2022	2.650.000	
31	VC21.2.2.031	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn.	Uống	Viên	Viên	ĐY2			5.700	5.700	1.260	7.182.000	30-06-2022	71.820	
32	VC21.2.2.032	Hy thiêm, Thiên niên kiện.	Uống	Viên	Viên	ĐY2	100.000			100.000	2.000	200.000.000	30-06-2022	2.000.000	
33	VC21.2.2.033	Hy thiêm, Thục địa, Tang ký sinh, Khương hoạt, Phòng phong, Đương quy, Đỗ trọng, Thiên niên kiện.	Uống	Viên hoàn cứng	Gói	ĐY2	15.230			15.230	4.000	60.920.000	30-06-2022	609.200	
34	VC21.2.2.034	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy).	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	ĐY2			85	85	27.000	2.295.000	30-06-2022	22.950	
35	VC21.2.2.035	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy).	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2			1.370	1.370	500	685.000	30-06-2022	6.850	
36	VC21.2.2.036	Kim ngân hoa, Liên kiều, Cát cánh, Bạc hà, Đạm trúc diệp, Cam thảo, Kinh giới tuệ/Kinh giới, Ngưu bàng tử, (Đạm đậu sị).	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2			4.200	4.200	750	3.150.000	30-06-2022	31.500	
37	VC21.2.2.037	Kim tiền thảo, Chỉ thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Binh lang, Mộc hương, Đại hoàng.	Uống	Viên	Viên	ĐY2			16.400	16.400	1.365	22.386.000	30-06-2022	223.860	
38	VC21.2.2.038	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	8.400		8.400	16.800	1.490	25.032.000	30-06-2022	250.320	
39	VC21.2.2.039	Kim tiền thảo, Trạch tả, (Thục địa), (Đường kính trắng).	Uống	Viên hoàn cứng	Gói	ĐY2	20.000			20.000	4.500	90.000.000	30-06-2022	900.000	
40	VC21.2.2.040	Kim tiền thảo.	Uống	Viên	Viên	ĐY2	30.000			30.000	190	5.700.000	30-06-2022	57.000	
41	VC21.2.2.041	Kim tiền thảo.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	21.950		26.400	48.350	525	25.383.750	30-06-2022	253.838	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
42	VC21.2.2.042	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thổ phục linh.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2			5.000	5.000	2.200	11.000.000	30-06-2022	110.000	
43	VC21.2.2.043	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	20.000			20.000	1.485	29.700.000	30-06-2022	297.000	
44	VC21.2.2.044	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).	Uống	Viên	Viên	ĐY2	55.250		101.500	156.750	1.260	197.505.000	30-06-2022	1.975.050	
45	VC21.2.2.045	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor.	Dùng ngoài	Thuốc xịt mũi	Chai/lọ	ĐY2	160			160	40.000	6.400.000	30-06-2022	64.000	
46	VC21.2.2.046	Long não/Camphor, Tinh dầu bạc hà, Tinh dầu quế, (Methyl salycilat), (Menthol/Eucalyptol), (Gừng), (Tinh dầu hương nhu trắng).	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi	ĐY2			870	870	27.825	24.207.750	30-06-2022	242.078	
47	VC21.2.2.047	Mã tiền chế, Đương qui, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2			1.680	1.680	4.315	7.249.200	30-06-2022	72.492	
48	VC21.2.2.048	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì, (Tam Thất).	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	17.000		51.500	68.500	840	57.540.000	30-06-2022	575.400	
49	VC21.2.2.049	Mã tiền, Huyết giác, Ô đầu, Đại hồi, Long não, Một dược, Địa liền, Nhũ hương, Đinh hương, Quế, Gừng, Methyl salicylat, Glycerin, Ethanol.	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	ĐY2	530		590	1.120	30.000	33.600.000	30-06-2022	336.000	
50	VC21.2.2.050	Mã tiền, Ma hoàng, Tầm vôi, Nhũ hương, Một dược, Ngưu tất, Cam thảo, Thương truật.	Uống	Viên	Viên	ĐY2	80.000			80.000	1.050	84.000.000	30-06-2022	840.000	
51	VC21.2.2.051	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì).	Uống	Viên	Viên	ĐY2	5.120		11.400	16.520	113	1.866.760	30-06-2022	18.668	
52	VC21.2.2.052	Mộc hương, Hoàng liên/Berberin, (Xích thược/Bạch thược), (Ngô thù du).	Uống	Viên	Viên	ĐY2	1.680		5.200	6.880	899	6.185.120	30-06-2022	61.851	
53	VC21.2.2.053	Nghệ vàng.	Uống	dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ	ĐY2			3.350	3.350	54.000	180.900.000	30-06-2022	1.809.000	
54	VC21.2.2.054	Nhân trần, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Đương qui, Mạch môn, Long đởm, Chi tử, Hoàng cầm, (Cam thảo), (Mộc thông).	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	20.000			20.000	2.780	55.600.000	30-06-2022	556.000	
55	VC21.2.2.055	Ô đầu, Mã tiền/Địa liền, Thiên niên kiện, Quế nhục/Quế chi, Đại hồi, Huyết giác, Tinh dầu Long não, Methyl salicylat.	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ	ĐY2	500		920	1.420	21.500	30.530.000	30-06-2022	305.300	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
56	VC21.2.2.056	Sài đất, Thương nhĩ tử, Kinh giới, Thổ phục linh, Phòng phong, Đại hoàng, Kim ngân hoa, Liên kiều, Hoàng liên, Bạch chỉ, Cam thảo.	Uống	Viên	Viên	ĐY2	8.000			8.000	900	7.200.000	30-06-2022	72.000	
57	VC21.2.2.057	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo.	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	ĐY2	3.000			3.000	42.000	126.000.000	30-06-2022	1.260.000	
58	VC21.2.2.058	Sinh địa, Mạch môn, Thiên hoa phấn, Hoàng kỳ, Kỷ tử/Câu kỷ tử, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Mẫu đơn bì, Hoàng liên, Nhân sâm, (Thạch cao).	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	7.730		2.800	10.530	3.400	35.802.000	30-06-2022	358.020	
59	VC21.2.2.059	Tam thất.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	50.000			50.000	3.927	196.350.000	30-06-2022	1.963.500	
60	VC21.2.2.060	Tân di hoa, Thăng ma, Xuyên khung, Bạch chỉ, Cam thảo.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	16.800			16.800	1.920	32.256.000	30-06-2022	322.560	
61	VC21.2.2.061	Tân di/Tân di hoa, Cảo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	50.000			50.000	1.900	95.000.000	30-06-2022	950.000	
62	VC21.2.2.062	Tỏi, Nghệ.	Uống	Viên	Viên	ĐY2	1.680		9.700	11.380	546	6.213.480	30-06-2022	62.135	
63	VC21.2.2.063	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, (Mã tiền).	Uống	Viên	Viên	ĐY2	5.040			5.040	2.990	15.069.600	30-06-2022	150.696	
64	VC21.2.2.064	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiền hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh/Phục linh, Cam thảo, Hoàng cầm, cineol (Menthol).	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	ĐY2			2.200	2.200	23.100	50.820.000	30-06-2022	508.200	
65	VC21.2.2.065	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	16.800			16.800	2.500	42.000.000	30-06-2022	420.000	
66	VC21.2.2.066	Thục địa, Đương quy, Bạch thược/Hà thủ ô,Xuyên khung, Ích mẫu, Ngải cứu/Ngải diệp, Hương phụ/Hương phụ chế, (Nghệ), (Đảng sâm).	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhủ dịch uống	Gói/Túi	ĐY2	10.080			10.080	7.500	75.600.000	30-06-2022	756.000	
67	VC21.2.2.067	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2			3.300	3.300	609	2.009.700	30-06-2022	20.097	
68	VC21.2.2.068	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà, (Kim ngân hoa).	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	10.060		14.200	24.260	1.260	30.567.600	30-06-2022	305.676	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
69	VC21.2.2.069	Trần bì, Cát cánh, Tiền hồ, Tô diệp, Tử uyển, Thiên môn, Tang bạch bì, Tang diệp, Cam thảo, Ô mai, Khương hoàng, Menthol.	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	ĐY2	200		150	350	33.500	11.725.000	30-06-2022	117.250	
70	VC21.2.2.070	Trần bì, Đương quy, Mạch nha, Phục linh, Chỉ xác, Thanh bì, Bạch Truật, Hậu phác, Bạch đậu khấu, Can khương, Mộc hương.	Uống	Viên nang	Viên	ĐY2	20.000			20.000	3.000	60.000.000	30-06-2022	600.000	
71	VC21.2.2.071	Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo bắc.	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	ĐY2			10.100	10.100	2.770	27.977.000	30-06-2022	279.770	
		Cộng: 71 Mặt hàng										**4.029.113.440**		**40.291.134**	

Vĩnh Châu, ngày 07 tháng 07 năm 2021
GIÁM ĐỐC